

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 08/6/2022
V/v “*tranh chấp hợp đồng
dân sự, vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thùy Trang;
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1964, địa chỉ: số nhà 869, tổ 29, ấp A, xã Ph, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim Ng: Ông Châu Bửu Ng, sinh năm 1958, địa chỉ: tổ 09, khóm L, phường S, thị xã T, tỉnh An Giang; đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 10/01/2022); Có mặt.

- Đồng bị đơn: Ông Lê Bá Th, sinh năm 1957 và bà Trương Thị Ngọc Nh, sinh năm 1965, địa chỉ: số nhà 103 đường Trần Hưng Đạo, khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị Ngọc Nh: Ông Lê Bá Th, sinh năm 1957, địa chỉ: số nhà 103 đường Trần Hưng Đạo, khóm A, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 06/5/2022); Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng (ông Châu Bửu Ng đại diện theo ủy quyền) trình bày: Ngày 01/8/2020, bà Ng có cho vợ chồng ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh vay 02 lần, tổng số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Ông Nh có viết và ký tên 02 biên nhận cùng ngày 01/8/2020, thể hiện số tiền vay 50.000.000 đồng và 10.000.000 đồng; thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng (đến ngày 11/8/2020 trả vốn). Ngày 10/3/2021, ông Th và bà Nh trả vốn 3.000.000 đồng, không trả lãi từ khi vay. Bà Ng (ông Ngọc đại diện theo ủy quyền) yêu cầu ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh có trách nhiệm trả dứt vốn vay 57.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự từ ngày 01/8/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ: 02 biên nhận ngày 01/8/2020, do ông Lê Văn Th viết và ký tên.

- Theo biên bản lời khai ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh, quá trình tố tụng, ông Th và bà Nh (ông Th đại diện theo ủy quyền) trình bày: Qua mua bán nên ông Th và bà Nh quen biết và 05 lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim Ng, mục đích vay mua bán và lo kinh tế gia đình. Cụ thể:

+ Lần thứ 1, đầu năm 2020 (không nhớ ngày tháng), ông Th và bà Nh vay 25.000.000 đồng (tiền lãi 1.500.000 đồng/tháng), có biên nhận. Trả lãi 07 tháng, số tiền 10.500.000 đồng;

+ Lần thứ 2, trong năm 2020 (cách khoảng ba tháng sau của lần thứ nhất, không nhớ ngày tháng), ông Th và bà Nh vay 5.000.000 đồng. Sau đó, bà Ng nhập 25.000.000 đồng vào 5.000.000 đồng (lần thứ 2), tổng cộng 30.000.000 đồng (tiền lãi 1.800.000 đồng/tháng), có biên nhận. Đã trả lãi được 02 tháng, số tiền 3.600.000 đồng;

+ Lần thứ 3, trong năm 2020 (cách một hoặc hai tháng sau của lần thứ hai, không nhớ ngày tháng), ông Th và bà Nh vay 20.000.000 đồng (tiền lãi 1.200.000 đồng/tháng), có biên nhận. Sau đó, bà Ng nhập 20.000.000 đồng vào 30.000.000 đồng (lần thứ hai), tổng cộng 50.000.000 đồng (tiền lãi 3.000.000 đồng/tháng, có biên nhận. Chưa trả lãi;

+ Lần thứ 4, trong năm 2020 (cách một đến hai tháng sau của lần thứ 3, không nhớ ngày tháng), ông Th và bà Nh 4.000.000 đồng (tiền lãi 400.000/tháng), có biên nhận;

+ Lần thứ 5, trong năm 2020 (cách một hoặc hai tháng sau của lần thứ 4, không nhớ ngày tháng), ông Th và bà Nh vay 6.000.000 đồng (tiền lãi 600.000/tháng, có biên nhận. Sau đó, bà Ng gộp 6.000.000 với 4.000.000 đồng (lần thứ 4), tổng cộng 10.000.000 đồng, có biên nhận. Trả lãi được 01 lần, số tiền 1.000.000 đồng.

Ông Th, bà Nh vay của bà Ng tổng cộng là 60.000.000 đồng; đã trả lãi cho bà Ng được 15.100.000 đồng. Ngày 01/8/2020, bà Ng kêu ông Th làm hai biên nhận nợ cùng ngày (một biên nhận thể hiện 50.000.000 đồng và một biên nhận thể hiện 10.000.000 đồng), ông Th và bà Nh khai nhận 02 biên nhận do ông Th viết, ký tên và ghi họ tên.

Ngày 10/3/2021, ông Th và bà Nh có trả vốn 3.000.000 đồng, còn nợ bà Ng 57.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Do hoàn cảnh khó khăn, ông Th và bà Nh xin trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, xin không tính lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự thống nhất vốn vay còn nợ 57.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận được phương thức trả nợ nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, Ông Ngọc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

Ông Th và đại diện theo ủy quyền của bà Nh thống nhất có vay 60.000.000 đồng, đã trả vốn 3.000.000 đồng, còn nợ bà Ng số tiền vốn 57.000.000 đồng. Đối với lãi suất đã trả cho bà Ng, nhưng không có chứng cứ chứng minh, xin trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, xin không tính lãi suất.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định đối với khoản vay là có căn cứ.

Ông Th, bà Nh không đưa ra được chứng cứ chứng minh về lãi suất và số tiền lãi đã trả nên không có căn cứ xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng buộc ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Ng số tiền vốn vay, tiền lãi từ ngày 01/8/2020 đến ngày xét xử theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Th là người cao tuổi được miễn án phí, bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 01/8/2020, do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 03/11/2021 bà Ng khởi kiện nên vụ kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Hợp đồng vay tài sản: giữa bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh được ký kết (theo 02 biên nhận ngày 01/8/2020) trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Về khoản nợ vốn vay và tiền lãi:

- Vốn vay: Biên bản lời khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Lê Bá Th và đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Ngọc Nh khai nhận có vay của bà Nguyễn Thị Kim Ng 60.000.000 đồng, có biên nhận nợ do ông Th viết, ký tên và ghi họ tên; ngày 10/3âl/2021 (21/4/2021) đã trả 3.000.000 đồng, còn nợ 57.000.000 đồng, phù hợp lời khai của bà Ng (ông Ngọc đại diện theo ủy quyền). Xét, bà Ng (ông Ngọc đại diện theo ủy quyền) khai, ông Th và bà Nh vay và còn nợ vốn 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng là có căn cứ, chấp nhận.

- Lãi suất:

Bà Ng (ông Ngọc đại diện theo ủy quyền) khai, cho ông Th và bà Nh vay theo 02 biên nhận nợ cùng ngày 01/8/2020, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 03

tháng (từ ngày 01/8/2020 đến ngày 01/11/2020), từ khi vay cho đến nay, ông Th và bà Nh không đóng lãi.

Ông Lê Bá Th và là đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Ngọc Nh cho rằng, vay tiền của bà Ng 05 lần, lãi suất 6%/tháng và đã trả lãi được 15.100.000 đồng, nhưng ông Th và bà Nh không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả lãi cho bà Ng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất vay giữa ông Th và bà Nh, bà Ng là 10%/năm (0,83%/tháng) để chiết tính:

Từ ngày 01/8/2020 đến ngày (10/31/2021) 21/4/2021 (08 tháng 20 ngày)
 $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng (10\%/năm) \times 08 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 4.316.000 \text{ đồng};$

Từ ngày 22/4/2021 đến ngày 08/6/2022 (13 tháng 17 ngày)
 $57.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng (10\%/năm) \times 13 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} = 6.418.000 \text{ đồng};$

Tổng cộng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 10.734.000 (Mười triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Buộc ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Ng vốn 57.000.000 đồng + lãi 10.734.000 đồng = 67.734.000 (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, theo quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[3] Bị đơn xin trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận. Tuy nhiên, sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Bá Th là người cao tuổi, có đơn xác nhận của địa phương nên miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị Ngọc Nh phải chịu 1.693.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị Kim Ng được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Ng.

Buộc ông Lê Bá Th và bà Trương Thị Ngọc Nh có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Ng:

- Tiền lãi: 10.734.000 (*Mười triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn*) đồng, (tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 08/6/2022).

- Tiền vốn: 57.000.000 (*Năm mươi bảy triệu*) đồng.

Kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Bá Th là người cao tuổi có đơn xác nhận của địa phương, miễn án phí sơ thẩm. Bà Trương Thị Ngọc Nh phải chịu 1.693.000 (*Một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Ng số tiền 1.425.000 (*Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006924 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Ng, bà Nh là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1)
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết